

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7702** /UBND-NNTN
V/v xin ý kiến thống nhất
việc giao kế hoạch vốn
đầu tư thực hiện Chương
trình MTQG xây dựng
nông thôn mới năm 2017
- nguồn vốn ngân sách
tỉnh

Quảng Ngãi, ngày **30** tháng 12 năm 2016

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số: 28
	Ngày: 03.01.17
	Chuyên:

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Để có cơ sở giao kế hoạch vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017 - nguồn vốn ngân sách tỉnh (95 tỷ đồng), UBND tỉnh kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến thống nhất việc giao kế hoạch vốn như sau:

1. Nguyên tắc phân bổ:

- Trả nợ các công trình hoàn thành còn thiếu vốn đã được UBND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách tỉnh từ các năm trước;

- Phân vốn còn lại (sau khi trả nợ), tập trung bố trí cho 18 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017, trong số 18 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 có 2 xã: Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh và xã Bình Trị, huyện Bình Sơn là các xã đã đạt các tiêu chí về cơ sở hạ tầng, nên năm 2017 không tiếp tục đầu tư xây dựng công trình hạ tầng.

- Cơ cấu vốn ngân sách tỉnh bố trí cho mỗi công trình thực hiện theo quy định tại các Quyết định phê duyệt Đề án phát triển giao thông nông thôn, Đề án kiên cố hóa kênh mương thủy lợi; riêng đối với các công trình hạ tầng khác, trong khi UBND tỉnh chưa ban hành quyết định về quy định mức hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã giai đoạn 2016-2020 (vì chờ HĐND thông qua nghị quyết bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã), trước mắt việc phân bổ cơ cấu vốn đầu tư vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh.

- Các dự án thuộc Danh mục công trình được bố trí đầu tư là các dự án đầu tư nhằm đạt chuẩn nông thôn mới đối với các tiêu chí mà các xã chưa đạt (có sự đối chiếu, lồng ghép với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo); không phân bổ chia đều vốn cho mỗi xã, mà bố trí theo số tiêu chí chưa đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Kế hoạch phân bổ (dự kiến) như sau:

- Tổng kế hoạch vốn ngân sách tỉnh là 95.000 triệu đồng; trong đó:
 - + Bố trí trả nợ công trình hoàn thành nguồn vốn ngân sách tỉnh từ các năm trước: 4.322 triệu đồng;
 - + Bố trí cho 16 xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 (không bao gồm 02 xã đã cơ bản đủ tiêu chí hạ tầng: Tịnh Trà và Bình Trị): 90.678 triệu đồng.
- Danh mục gồm 130 công trình, với cơ cấu tổng vốn ngân sách tỉnh là 125,431 tỷ đồng, trong đó bố trí kế hoạch vốn năm 2017 là 90,678 tỷ, phần còn thiếu sẽ bố trí chuyển tiếp trong kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2018 là 34,753 tỷ đồng.

(Có Phụ lục giao kế hoạch vốn kèm theo).

UBND tỉnh kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến thống nhất, làm cơ sở để UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở : Kế hoạch và ĐT, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNndt558.



Đặng Văn Minh

Phu lục:

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2017
CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh

(Kèm theo Công văn số 172/UBND-ĐT ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quy mô	QĐ giao KH vốn của UBND tỉnh (số/năm))	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đ)	Trong đó:		Vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết năm 2016 (tr.đ)	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện, TP, vốn xã và vốn khác			
	TỔNG SỐ			246.481	166.226	80.256	36.472	95.000	
A	TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH TỪ NĂM 2016 VỀ TRƯỚC			63.022	40.794	22.228	36.472	4.322	
1	Xã Bình Dương (H.Bình Sơn)								
	Nâng cấp Trường Mẫu giáo Bình Dương	276,9 m2	117(2014)	2.499	1.749	750	1.700	49	đã q.toán
2	Xã Bình Trung (H.Bình Sơn)								
	Trường THCS Bình Trung	10 phòng	1427(2015), 273(2016)	5.500	4.400	1.100	3.908	492	đã q.toán
3	Xã Bình Thới (H.Bình Sơn)								
	BTXM tuyến Miếu (xóm 6) - nhà Võ Văn, Bình Thới	794,41m	117(2014)	1.800	1.260	540	1.210	50	đã q.toán
4	Xã Tịnh Giang (H.Sơn Tịnh)								
	Đ.xã: Tuyến Tịnh Giang - Sơn Hạ		968(2016)	1.390	973	417	823	150	hoàn thành
	Kênh Cây Bứa - Trại Cháy		948(2014)	1.984	1.587	397	1.460	127	hoàn thành
5	Xã Nghĩa Thương (H.Tư Nghĩa)								
	Nhà văn hóa xã Nghĩa Thương		273(2016)	3.600	2.100	1.500	1.900	200	hoàn thành
6	Xã Nghĩa Phương (H.Tư Nghĩa)								
	Nhà văn hóa xã Nghĩa Phương		273(2016)	3.450	2.100	1.350	2.000	100	hoàn thành
	Đường xã: Tuyến Cẩm Ông Nghè - Trạm Đăng Kiểm	1050m	273(2016)	1.900	1.330	570	800	530	hoàn thành
7	Xã Nghĩa Lâm								
	Nhà văn hóa xã Nghĩa Lâm		117(2014)	2.798	1.400	1.399	1.350	50	hoàn thành
8	Xã Nghĩa Sơn (H.Tư Nghĩa)								

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quy mô	QĐ giao KH vốn của UBND tỉnh (số(năm))	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đ)	Trong đó:		Vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết năm 2016 (tr.đ)	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện, TP, vốn xã và vốn khác			
	Nhà văn hóa xã Nghĩa Sơn		273(2016)	3.500	2.450	1.050	2.200	250	hoàn thành
9	Xã Hành Thuận (H.Nghĩa Hành)								
	Đ.xã: BTXM tuyến tỉnh lộ 624-Hồ Luyến		117(2014)	1.950	1.365	585	1.315	50	hoàn thành
	Kiên cố hóa kênh N8-1b nối dài		117(2014)	1.800	1.440	360	1.390	50	hoàn thành
10	Xã Hành Thịnh (H.Nghĩa Hành)								
	Xây mới Trường Mầm non Trung Tâm		117(2014)	3.800	2.660	1.140	2.600	60	hoàn thành
11	Xã Hành Trung (H.Nghĩa Hành)								
	Nâng cấp Trường Tiểu học Hiệp Phố Bắc		117(2014)	2.201	1.610	591	1.560	50	đã q.toán
12	Xã Hành Nhân (H.Nghĩa Hành)								
	Tuyến Ông Nguyễn Đăng Chu đi Gò Mít		273(2016)	1.950	1.365	585	1.100	265	hoàn thành
13	Xã Đức Tân (H.Mộ Đức)								
	Nhà văn hóa xã Đức Tân		117(2014)	4.999	1.400	3.599	1.350	50	hoàn thành
14	Xã Đức Thạnh (H.Mộ Đức)								
	Trường Mầm non Đức Thạnh	5 phòng	273(2016)	3.500	2.030	1.470	2.000	30	đã q.toán
15	Xã Đức Hòa (H.Mộ Đức)								
	Trường Mầm non Đức Hòa (cơ sở 2)		273(2016)	3.500	2.450	1.050	2.400	50	hoàn thành
16	Xã Phố Ninh (H.Đức Phổ)								
	Đ.xã: Tuyến Tây Gò Đồn - ngõ Đề Oanh, thôn An Ninh	947m	273(2016)	1.982	1.330	652	1.050	280	hoàn thành
17	Xã Tịnh Châu (TP.Quảng Ngãi)								
	Hội trường UBND xã Tịnh Châu		948(2014)	4.800	2.500	2.300	1.520	980	hoàn thành
18	Xã Tịnh Khê (TP.Quảng Ngãi)								
	Xây mới trường THCS Võ Bẩm	8 phòng	2026(2015; 273(2016):	4.119	3.295	824	2.836	459	hoàn thành
B	CÔNG TRÌNH KHÔI CÔNG MỚI CÁC XÃ TRONG KẾ HOẠCH ĐẠT CHUẨN NĂM 2017			183.459	125.431	58.028	-	90.678	
I	H. BÌNH SƠN								
1	Xã Bình Minh			13.500	10.000	3.500	-	6.740	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quy mô	QĐ giao KH vốn của UBND tỉnh (số/năm))	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đ)	Trong đó:		Vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết năm 2016 (tr.đ)	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện, TP, vốn xã và vốn khác			
-	Đ.xã: BTXM tuyến nhà Võ Hùng đến Phan Tấn Tuấn	2000 m		2.000	1.400	600		1.000	Ch.tiếp năm sau
-	Đ.xã: Cầu qua kênh thạch nham B3	15 m		1.500	1.050	450		1.050	
-	Đ.thôn: Tuyến ngã 3 Trà Giang đi suối Bà Hiến	1000 m		1.500	750	750		750	
-	KCH kênh Thạch Nham - Đồng Sao Dài (giáp B34 nối dài)	1500 m		2.200	1.760	440		1.000	Ch.tiếp năm sau
-	Tường rào, cổng, nhà xe, vệ sinh trường tiểu học số 2 Bình Minh			1.500	1.200	300		800	Ch.tiếp năm sau
-	Tường rào, cổng, nhà ăn trường M.giáo bán trú thôn Tân Phước			800	640	160		640	
-	Nhà Văn hóa, sân thể thao xã Bình Minh			4.000	3.200	800		1.500	Ch.tiếp năm sau
2	Xã Bình Nguyên			13.594	9.570	4.024	-	6.982	
-	Đ.xã: BTXM tuyến thôn Nam Bình I - ngã 3 trường mẫu giáo	1100 m		1.540	1.078	462		800	Ch.tiếp năm sau
-	Đ.xã: BTXM Tuyến ADB3 Lò rèn - xóm 12, thôn Nam Bình I	2112 m		2.957	2.070	887		1.000	Ch.tiếp năm sau
-	Đ.thôn: Tuyến QLIA-giáp đường sắt xóm 8, thôn Phước Bình	330 m		462	231	231		231	
-	Đ.thôn: Tuyến nhà Trần Lưu - Phan Văn Cầu, thôn Châu từ	450 m		630	315	315		315	
-	Đ.thôn: Tuyến ngã 3 trường mẫu giáo - ngã 3 dốc ông Diệp	400 m		560	280	280		280	
-	KCH Kênh Rộc Thị - Ngõ Hoàng	550 m		715	572	143		572	
-	KCH Kênh trạm bơm đầu gò	600m		780	624	156		624	
-	KCH Kênh B3-VC-7 nối dài	500 m		650	520	130		520	
-	Nhà ăn, phòng làm việc trường mầm non bán trú	03 phòng		700	560	140		560	
-	Trường tiểu học số 1 Bình nguyên	07 phòng		2.800	2.240	560		1.000	Ch.tiếp năm sau
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Nam Bình 2			600	360	240		360	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Phước Bình			600	360	240		360	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Trì Bình			600	360	240		360	
II	H. SON TINH								
3	Xã Tinh Bắc			12.573	9.168	3.405	-	6.045	
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Xà ao - XN đá Ba Gia (GD2)	1050m		1.890	1.323	567		800	Ch.tiếp năm sau
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Bà Tô - Ông Luận	750m		1.350	945	405		945	
-	Đ.thôn: Tuyến Nhà ông Nhị - Hồ Nước (Mỏ Đá)	600m		840	420	420		420	
-	KCH Kênh VC7a- Cù Suối	500m		600	480	120		480	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quy mô	QĐ giao KH vốn của UBND tỉnh (số(năm))	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đ)	Trong đó:		Vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết năm 2016 (tr.đ)	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện, TP, vốn xã và vốn khác			
-	Trường MN bán trú Tỉnh Bắc			4.750	3.800	950		2.000	Ch.tiếp năm sau
-	Nhà văn hóa xã Tỉnh Bắc			3.143	2.200	943		1.400	Ch.tiếp năm sau
III	H. TƯ NGHĨA								
4	Xã Nghĩa Kỳ			13.205	8.970	4.235	-	6.780	
-	Đ.thôn: Tuyến ngõ Bảy Tháng - ngõ Tám Trính	750m		1.000	500	500		500	
-	Đ.thôn: Tuyến Dốc Bà Sanh - cầu Ngõ Hiến	650m		980	490	490		490	
-	KCH kênh N4.6.2	1112m		1.738	1.390	348		800	Ch.tiếp năm sau
-	KCH Kênh N2-8-4	686m		1.019	815	204		815	
-	KCH Kênh N4-4	313m		488	390	98		390	
-	KCH Kênh N4-6-1	543m		980	784	196		784	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Nghĩa Kỳ			4.000	2.800	1.200		1.200	Ch.tiếp năm sau
-	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn Xuân Phỏ Đông			600	360	240		360	
-	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn An Hội Nam 1			600	360	240		360	
-	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn An Hội Nam 2			600	360	240		360	
-	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn Phú Sơn			600	360	240		360	
-	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn Xuân Phỏ Tây			600	360	240		360	
5	Xã Nghĩa Thuận			12.833	9.146	3.687	-	6.786	
-	Đ.xã: BTXM Tuyến 623B (Ngõ Sang) - Cầu Máng	1098m		2.300	1.610	690		1.000	Ch.tiếp năm sau
-	Đ.xã: BTXM Tuyến 623B (Hà Một) - Xóm Đào	1061m		2.000	1.400	600		800	Ch.tiếp năm sau
-	Đ.xã: BTXM Tuyến 623B (Ngõ Phú)-Ngã ba đường bê-tông	787m		1.500	1.050	450		800	Ch.tiếp năm sau
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Ngõ Vương Quang Bình-Trạm điện NT6	600m		1.200	840	360		840	
-	KCH Kênh N2-VC7-2	660m		650	520	130		520	
-	KCH Kênh N4-2-2	600m		650	520	130		520	
-	KCH Kênh N2-5-2	873m		933	746	187		746	
-	Nhà văn hóa xã Nghĩa Thuận			3.000	2.100	900		1.200	Ch.tiếp năm sau
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Mỹ Thạnh Đông			600	360	240		360	
6	Xã Nghĩa Điền			12.066	7.366	4.700	-	5.355	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quy mô	QĐ giao KH vốn của UBND tỉnh (số(năm))	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đ)	Trong đó:		Vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết năm 2016 (tr.đ)	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện, TP, vốn xã và vốn khác			
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Mẫu giáo Diên Chánh đi Quảng Phú	575m		1.065	746	320		746	
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Ngô Thanh đi Ngô Văn Bình	532m		1.001	701	300		701	
-	Đ.thôn: Tuyến Gò Miếu - Kênh N6	658m		888	444	444		444	
-	Đ.thôn: Tuyến Nhà Đặng Tiếng - Kênh N8	1020m		1.490	745	745		745	
-	KCH Kênh N6 VC BS	1360m		2.422	1.211	1.211		800	Ch.tiếp năm sau
-	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Nghĩa Diên			4.000	2.800	1.200		1.200	Ch.tiếp năm sau
-	Nhà Văn Hóa, sân thể thao thôn Diên An			600	360	240		360	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Diên Hòa			600	360	240		360	
IV	H. NGHĨA HÀNH								
7	Xã Hành Dũng			7.290	5.059	2.231		3.859	
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Nguyễn Thị Tùng - ngõ ông Trọng	200m		320	224	96		224	
-	Đ.thôn: BTXM Tuyến Nguyễn Bá Trữ - Bàu Ngoài - Đường xã	600m		780	390	390		390	
-	Đ.thôn: Tuyến Võ Văn Thân - Vườn Trần Đức Ân	800m		1.040	520	520		520	
-	Đ.thôn: Tuyến Nguyễn Tiên - Trạm B.áp HD 8	500m		650	325	325		325	
-	KCH Kênh VC-22 (nối dài)	1500m		2.250	1.800	450		1.200	Ch.tiếp năm sau
-	KCH Kênh Đập Xã Cầu - Rộc Ứng	1500m		2.250	1.800	450		1.200	Ch.tiếp năm sau
8	Xã Hành Tín Tây			12.610	8.293	4.317	-	6.693	
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Ngã tư Long Bình - Suối Chá	700m		900	630	270		630	
-	Đ.thôn: Tuyến Ngõ Phạm Minh Đức - Giáp đập Ruộng Thê	500m		750	375	375		375	
-	Đ.thôn: Tuyến Ngõ Đàm Quang Khanh - Nguyễn Việt Trung	100m		150	75	75		75	
-	Đ.thôn: Tuyến Ngã ba Phạm Minh - Trần Đức Nga	950m		1.425	713	713		713	
-	Đ.thôn: Tuyến Ngõ ống Luận - ngõ Nguyễn Tấn Dũng	300m		450	225	225		225	
-	Đ.thôn: Tuyến Ngõ Ống Chiến - Ngõ Ống Kịch	250m		375	188	188		188	
-	KCH Kênh Đập Đồng Cau - Lỗ Lù	500m		600	480	120		480	
-	KCH Kênh Đập Ruộng Suối - Phạm Thiệp (Đất sét)	800m		960	768	192		768	
-	KCH Kênh Vườn Tiệp - Vườn Hùng	400m		600	480	120		480	
-	KCH kênh Nhà VH Trưng Kè - Hồ Sanh	400m		600	480	120		480	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quy mô	QĐ giao KH vốn của UBND tỉnh (số/năm)	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đ)	Trong đó:		Vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết năm 2016 (tr.đ)	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện, TP, vốn xã và vốn khác			
-	Nhà văn hóa xã, sân thể thao xã Hành Tín Tây			4.000	2.800	1.200		1.200	Ch tiếp năm sau
-	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn Phú Khương			600	360	240		360	
-	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn Tân Hòa			600	360	240		360	
-	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn Phú Thọ			600	360	240		360	
V	H. MỘ ĐỨC								
9	Xã Đức Thạnh			13.328	8.307	5.021	-	6.619	
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Đôn Lương - Đức Tân	900m		1.800	1.260	540		800	Ch tiếp năm sau
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Phước Nam - Xóm Lê	900m		1.800	1.260	540		800	Ch tiếp năm sau
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Xóm Trụ - Đức Minh	900m		1.800	1.260	540		800	Ch tiếp năm sau
-	Đ.thôn: Tuyến Ông Huệ - Ông Lão	350m		350	175	175		175	
-	Đ.thôn: Tuyến Ông Trần giáp đường Thi Phó - Minh Tân Bắc	500m		500	250	250		250	
-	KCH Kênh S18-1- Bầu Quảng	700m		980	784	196		784	
-	KCH Kênh Gò Chòi - Sông Tiêu	900m		1.260	1.008	252		700	Ch tiếp năm sau
-	KCH Kênh S18-1 - Trà Năng	670m		938	750	188		750	
-	KCH Kênh S18-1 - Dinh Bà	500m		700	560	140		560	
-	Nhà Văn hoá xã Đức Thạnh			3.200	1.000	2.200		1.000	hỗ trợ
10	Xã Đức Hòa			10.370	7.396	2.974	-	5.396	
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Cống Cao, Phước Hiệp - Cầu Đá	2000m		4.000	2.800	1.200		1.200	Ch tiếp năm sau
-	Đ.xã: BTXM Tuyến Cầu Đá - giáp Hành Thịnh	1000m		2.000	1.400	600		1.000	Ch tiếp năm sau
-	Đ.thôn: Tuyến KDC số 22, 23	1000m		1.000	500	500		500	
-	KCH Kênh điều tiết Suối Lữ	980m		1.380	1.104	276		1.104	
-	KCH Kênh tưới Đồng Độ	800m		1.120	896	224		896	
-	KCH Kênh Đồng Lách	620m		870	696	174		696	
VI	H. ĐỨC PHỐ								
11	Xã Phố Ninh			14.250	9.885	4.365	-	6.992	
-	Đ.xã: BTXM tuyến Lộ Bàn - An Ninh	1400m		2.500	1.750	750		967	Ch tiếp năm sau
-	Đ.xã: BTXM Tuyến cầu Bà Hợi - An Ninh (GD2)	600m		1.500	1.050	450		800	Ch tiếp năm sau

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quy mô	QĐ giao KH vốn của UBND tỉnh (số(năm))	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đ)	Trong đó:		Vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết năm 2016 (tr.đ)	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện, TP, vốn xã và vốn khác			
-	Đ.xã: BTXM Tuyến QL1A ngõ Ô.Giàu dọc kênh N6 đi Phố Minh	828m		1.250	875	375		875	
-	Đ.thôn: Tuyến Cầu Bà Phó - Giáp xe lửa, thôn An Ninh.(GD2)	738m		1.200	600	600		600	
-	Đ.thôn: Tuyến ngõ Ông Hồ Hiệp - giáp QL1A- Mỹ Á	700m		1.100	550	550		550	
-	Đ.thôn: Tuyến QL1A (ngõ Tân A) - xóm Mỹ Lộc, thôn An Trường (GD 2)	550m		1.000	500	500		500	
-	KCH tuyến kênh cầu 18 - Mương tre thôn An Ninh	955m		1.400	1.120	280		700	Ch.tiếp năm sau
-	KCH kênh Mương Sâu - Ba Sào thôn An Trường (GD1)	1012m		1.600	1.280	320		800	Ch.tiếp năm sau
-	KCH kênh Ô gà Giữa - Ô Giã Tây, thôn An Ninh	1872m		2.700	2.160	540		1.200	Ch.tiếp năm sau
12	Xã Phố An			11.980	7.224	4.756	-	6.224	
-	Đ.thôn: Tuyến Hòa Nam, thôn An Thạch	1500m		2.300	1.150	1.150		700	Ch.tiếp năm sau
-	Đ.thôn: Tuyến Dốc 9, thôn An Thổ	600m		1.200	600	600		600	
-	Đ.thôn: Tuyến bà Nhu	1500m		2.700	1.350	1.350		800	Ch.tiếp năm sau
-	KCH Kênh từ gò Đại đi gò Tim, Thôn Hội An I	800m		1.120	896	224		896	
-	KCH Kênh nối từ Gò Tân đi Gò Nhân	600m		840	672	168		672	
-	KCH Kênh Bầu Đưng đi Bầu Mỹ	700m		980	784	196		784	
-	KCH Kênh Bờ Bạ đi Gò Tân	600m		840	672	168		672	
-	Khu thể thao xã Phố An			1.000	700	300		700	
-	Nghĩa Trang nhân dân Rộc Bà Phó			1.000	400	600		400	c.cầu tạm tính
VII	TP. QUẢNG NGÃI								
13	Xã Tịnh An Tây			7.200	4.500	2.700		3.660	
-	Đ.thôn: Tuyến Vườn dưa - Ngõ Tám Nuôi	800m		1.200	600	600		600	
-	Đ.thôn: Tuyến trên kênh B8	2000m		3.000	1.500	1.500		1.100	Ch.tiếp năm sau
-	KCH Kênh B8 - Rộc Lờ, thôn Độc lập	900m		1.800	1.440	360		1.000	Ch.tiếp năm sau
-	Tường rào, công ngõ, nhà vệ sinh trường THCS Tịnh An Tây			1.200	960	240		960	
14	Xã Tịnh An			7.360	4.546	2.814	-	3.346	
-	Đ.xã: BTXM Tuyến từ kênh B8 giáp đường BTXM xã Tịnh An Đông	200m		330	231	99		231	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quy mô	QĐ giao KH vốn của UBND tỉnh (số(năm))	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đ)	Trong đó:		Vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết năm 2016 (tr.đ)	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện, TP, vốn xã và vốn khác			
-	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Phạm Hoà - QL 24B, thôn Tân Mỹ	70m		105	53	53		53	
-	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Nguyễn Thị Diệu - Ngõ Huỳnh Dự, thôn Long Bàn	100m		150	75	75		75	
-	Đ. thôn: Tuyến đường công vụ mới, thôn Long Bàn	800m		1.200	600	600		600	
-	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Huỳnh Tráng giáp đường Mỹ Trà - Mỹ Khê	500m		750	375	375		375	
-	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Bùi Hợp đến ngõ Kiều Thị Nga, thôn Ân Phú	450m		675	338	338		338	
-	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Nguyễn Thị Duyệt giáp đường công vụ, thôn Long Bàn	100m		150	75	75		75	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Tịnh An			4.000	2.800	1.200		1.600	Ch. tiếp năm sau
15	Xã Tịnh Long			10.300	7.600	2.700	-	5.200	
-	KCH Kênh B8 -12-4 - Đất sét	500m		750	600	150		600	
-	KCH Kênh nội bộ Đồng Ly Ngao	800m		1.200	960	240		960	
-	KCH Tuyến Ngõ Anh - Địa	420m		650	520	130		520	
-	Phòng chức năng Trường THCS Tịnh Long	6 phòng		2.500	2.000	500		1.000	Ch. tiếp năm sau
-	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Tịnh Long			4.000	2.800	1.200		1.400	Ch. tiếp năm sau
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tăng Long			600	360	240		360	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Gia Hòa			600	360	240		360	
16	Xã Nghĩa Phú			11.000	8.400	2.600	-	4.000	
-	Trường Mầm non Nghĩa Phú			7.000	5.600	1.400		2.500	Ch. tiếp năm sau
-	Nhà Văn hóa xã, sân thể thao xã Nghĩa Phú			4.000	2.800	1.200		1.500	Ch. tiếp năm sau

Ghi chú:

1. Trong tổng vốn đầu tư năm 2017 nguồn vốn ngân sách tỉnh có 14.853 triệu đồng bố trí hoàn trả cho chương trình theo Thông báo kết quả kiểm toán số 450/TB-KTNN ngày 16/11/2015 của Kiểm toán nhà nước.
2. Xã Bình Trị là xã trong kế hoạch đạt chuẩn NTM năm 2016, nên đã cơ bản đạt các tiêu chí về cơ sở hạ tầng và kế hoạch năm 2017 dự kiến sử dụng nguồn vốn vượt thu ngân sách xã để đầu tư.
3. Xã Tịnh Trà là xã trong kế hoạch đạt chuẩn NTM năm 2015, nên đã đạt các tiêu chí về cơ sở hạ tầng nên kế hoạch 2017 không tiếp tục đầu tư.